

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.172.509.907.090	2.249.134.755.209
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	517.122.115.883	546.776.463.318
1. Tiền	111		384.848.457.890	340.315.646.953
2. Các khoản tương đương tiền	112		132.273.657.993	206.460.816.365
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		674.491.640.955	829.571.056.916
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	869.177.240.481	924.803.198.712
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(194.685.599.526)	(95.232.141.796)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		680.952.390.050	630.151.872.814
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	322.304.635.916	305.874.538.833
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	206.671.674.811	170.624.562.709
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	154.651.249.639	155.484.696.989
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(2.675.170.316)	(1.831.925.717)
IV. Hàng tồn kho	140		84.670.629.335	62.630.234.723
1. Hàng tồn kho	141	V.8	84.670.629.335	62.630.234.723
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		215.273.130.867	180.005.127.439
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	24.107.991.459	14.802.582.694
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		13.807.667.217	7.586.001.544
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	29.702.604.107	26.379.380.486
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	147.654.868.083	131.237.162.715



Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B -	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		4.683.899.571.220	4.293.873.876.792
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		37.000.000.000	37.000.000.000
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	V.12	37.000.000.000	37.000.000.000
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		2.364.724.490.711	2.006.318.858.665
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	1.854.961.704.815	1.875.230.345.428
	<i>Nguyên giá</i>	222		2.815.237.850.750	2.647.058.508.445
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(960.276.145.935)	(771.828.163.017)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.14	3.302.121.087	7.266.838.830
	<i>Nguyên giá</i>	225		23.890.768.666	23.890.768.666
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(20.588.647.579)	(16.623.929.836)
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.15	45.947.516.018	46.871.871.305
	<i>Nguyên giá</i>	228		51.780.758.939	50.952.780.398
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(5.833.242.921)	(4.080.909.093)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.16	460.513.148.791	76.949.803.102
III.	Bất động sản đầu tư	240	V.17	239.202.151.988	251.094.268.173
	<i>Nguyên giá</i>	241		279.448.439.795	279.448.439.795
	<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(40.246.287.807)	(28.354.171.622)
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		1.730.490.433.971	1.654.484.902.143
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	500.000.000
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.18	1.294.072.279.653	955.105.692.876
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.19	477.827.571.094	738.677.844.885
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.20	(41.409.416.776)	(39.798.635.618)
V.	Tài sản dài hạn khác	260		18.629.297.019	17.729.499.059
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.21	11.866.109.181	13.358.634.675
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.22	119.129.836	3.112.889.494
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.23	6.644.058.002	1.257.974.890
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.24	293.853.197.531	327.246.348.752
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		6.856.409.478.310	6.543.008.632.001

301
CỔ Đ
CỔ Đ
LÝ
VÀ
TP

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

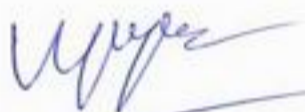
Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A -	NỢ PHẢI TRẢ	300		2.359.423.574.561	2.398.409.582.872
I.	Nợ ngắn hạn	310		1.338.388.046.546	1.026.562.513.821
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.25	743.377.071.981	468.094.311.454
2.	Phải trả người bán	312	V.26	234.277.910.141	186.849.714.448
3.	Người mua trả tiền trước	313	V.27	12.017.224.780	11.054.170.252
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.28	26.373.866.320	15.522.053.389
5.	Phải trả người lao động	315	V.29	25.442.599.666	25.187.984.086
6.	Chi phí phải trả	316	V.30	34.711.466.773	43.216.453.384
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.31	244.424.847.751	264.096.996.656
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.32	17.763.059.134	12.540.830.151
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II.	Nợ dài hạn	330		1.021.035.528.015	1.371.847.069.051
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.33	17.346.219.093	22.966.486.450
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.34	715.570.007.382	1.057.458.920.308
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.35	24.577.830.774	20.769.883.430
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		189.474.000	621.554.400
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.36	263.351.996.766	270.030.224.463
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B -	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.274.510.987.479	3.972.823.847.570
I.	Vốn chủ sở hữu	410		4.274.510.987.479	3.972.823.847.570
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.37	1.094.473.090.000	1.000.000.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412	V.37	2.471.474.474.400	2.169.160.586.400
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	V.37	71.797.775.902	71.797.775.902
4.	Cổ phiếu quỹ	414		-	-

67
TƯ
KH
INH
UYỆ
13/6

5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	V.37	14.575.665.390	22.534.947.016
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417	V.37	40.913.734.142	4.511.710.559
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418	V.37	29.429.404.912	23.765.156.863
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	V.37	21.266.950.111	21.604.112.437
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.37	530.579.892.622	659.449.558.394
11.	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1.	Nguồn kinh phí	432		-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
C -	LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIÊU SỞ	439		222.474.916.270	171.775.201.558
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		6.856.409.478.310	6.543.008.632.001

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2012



Trương Như Nguyên
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng



Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	30.616.666.887	233.114.559.589
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định	02	204.289.841.197	195.100.392.540
- Các khoản dự phòng	03	101.907.483.487	72.024.885.539
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(26.689.311.299)	(36.272.132.977)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(112.281.737.176)	(132.593.651.489)
- Chi phí lãi vay	06	158.673.380.997	135.975.850.898
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	356.516.324.093	467.349.904.101
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(90.436.923.904)	(102.512.516.501)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(22.040.394.613)	(7.196.810.837)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	63.902.789.894	148.897.919.346
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(7.812.883.271)	(7.985.421.088)
- Tiền lãi vay đã trả	13	(166.595.174.450)	(143.494.246.962)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(13.145.255.842)	(26.852.351.561)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	230.359.303.318	191.993.936.417
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(315.200.169.072)	(324.343.473.107)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	35.547.616.153	195.856.939.808
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(192.092.636.215)	(168.217.821.785)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	40.436.860.391	16.704.227.766
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(236.407.200.000)	(278.786.391.123)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	273.338.084.842	51.866.626.298
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(335.886.321.845)	(857.589.075.759)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	2.132.190.132	21.913.512.142
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	51.984.694.005	51.635.025.693
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(396.494.328.690)	(1.162.473.896.768)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số		
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	1.365.730.512.294
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	1.071.622.321.718	1.236.921.442.218
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(735.623.270.966)	(1.328.154.828.052)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	(5.818.225.151)	(5.999.703.133)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(10.345.095.719)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40	330.180.825.601	1.258.152.327.608
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	(30.765.886.936)	291.535.370.648
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	546.776.463.318	224.033.300.557
		-	29.043.490.246
<i>Điều chỉnh tiền và tương đương tiền đầu năm của các công ty hợp nhất lần đầu và loại khỏi hợp nhất năm nay</i>			
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.111.539.502	2.164.301.867
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	517.122.115.883	546.776.463.318

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 02 năm 2012




Trương Như Nguyễn
Người lập biểu



Nguyễn Minh Nguyệt
Kế toán trưởng




Đỗ Văn Minh
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ : 6 Lê Thánh Tôn, P.Bến Nghé, Quận 1 TP HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT QUÍ 4 NĂM 2011**BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH HỢP NHẤT
Quý 4 Năm 2011**

	Chỉ tiêu	Quý 4		Tích lũy đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	664.125.062.838	671.185.380.822	2.374.962.709.626	2.148.850.890.455
2	Các khoản giảm trừ	562.061.321		1.359.928.338	1.542.235.197
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	663.563.001.517	671.185.380.822	2.373.602.781.288	2.147.308.655.258
4	Giá vốn hàng bán	556.733.171.659	491.756.760.359	1.983.058.804.580	1.755.390.857.506
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	106.829.829.858	179.428.620.463	390.543.976.708	391.917.797.752
6	Doanh thu hoạt động tài chính	43.690.589.274	53.238.056.271	230.955.742.480	205.808.302.473
7	Chi phí tài chính	106.094.155.232	108.792.881.094	385.046.343.974	276.480.560.462
	Trong đó :				
	- Chi phí lãi vay	41.102.234.797	49.339.303.419	158.673.380.997	135.975.850.898
8	Chi phí bán hàng	1.104.364.771	2.859.633.949	14.782.954.066	10.141.282.670
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	64.715.930.967	68.038.382.687	211.786.283.444	169.222.431.390
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(21.394.031.838)	52.975.779.005	9.884.137.704	141.881.825.703
11	Thu nhập khác	10.994.247.460	45.556.990.111	44.370.386.666	106.330.817.742
12	Chi phí khác	4.853.658.766	5.899.913.351	23.637.857.484	15.098.083.856
13	Lợi nhuận khác	6.140.588.694	39.657.076.760	20.732.529.182	91.232.733.886
14	Lãi lỗ từ hoạt động liên doanh liên kết				
14	Lợi nhuận trước thuế	(15.253.443.144)	92.632.855.765	30.616.666.887	233.114.559.589
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2.793.576.753	2.200.430.598	16.894.915.080	19.071.451.372
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		1.303.739.529	2.044.547.673	(3.625.483.452)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.047.019.897)	89.128.685.637	11.677.204.133	217.668.591.668
17.1	Lãi sau thuế của cổ đông thiểu số	1.353.539.127	9.642.119.811	7.086.451.006	10.804.601.021
17.2	Lãi sau thuế của Công ty Gemadept	(19.400.559.023)	79.486.565.827	4.590.753.127	206.863.990.648
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(193)	813	46	3.324

TP. Hồ Chí Minh, Ngày 10 tháng 02 năm 2012


Trương Như Nguyễn
Người lập biểu

Nguyễn Minh Nguyệt
Kê toán trưởngĐỗ Văn Minh
Tổng giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2011

Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2011 của Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển (viết tắt là Công ty cổ phần Gemadept) bao gồm Báo cáo tài chính năm 2011 của Công ty cổ phần Gemadept (Công ty mẹ) và các công ty con (danh sách các công ty con được trình bày ở thuyết minh I.5) (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. **Hình thức sở hữu vốn của công ty mẹ** : Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Khai thác cảng, vận tải và logistics.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
 - Đầu tư, xây dựng, khai thác cảng biển, cảng sông và cảng hàng không, Dịch vụ xếp dỡ hàng hóa các loại;
 - Vận chuyển đa phương thức; vận tải hành khách và các loại hàng hóa, kể cả container và hàng siêu trường siêu trọng bằng đường biển, đường sông, đường bộ và đường hàng không;
 - Dịch vụ Logistics; xây dựng, khai thác, kinh doanh các loại kho, bãi; khai thuê Hải quan;
 - Dịch vụ đại lý tàu biển; đại lý vận tải container; đại lý giao nhận đường biển, đường hàng không, đường bộ; cung ứng tàu biển và các dịch vụ hàng hải khác;
 - Mua, bán, quản lý, khai thác, sửa chữa, đóng mới, thuê và cho thuê các loại tàu biển, tàu sông, container, các loại cầu, xe nâng và các loại phương tiện, thiết bị, vật tư, phụ tùng khác cho ngành vận tải, khai thác cảng và logistics;
 - Quản lý, thuê và cho thuê thuyền viên;
 - Kinh doanh xuất nhập khẩu trực tiếp, Đại lý kinh doanh xăng dầu, Khai thác khoáng sản;
 - Đầu tư, xây dựng, quản lý, kinh doanh, khai thác bất động sản, cao ốc văn phòng, kinh doanh nhà hàng, dịch vụ ăn uống, khách sạn, căn hộ, chung cư, khu dân cư, trung tâm thương mại, khu công nghiệp, khu nghỉ mát;
 - Đầu tư tài chính; kinh doanh chứng khoán; góp vốn vào ngân hàng, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ và thực hiện các hoạt động tài chính khác;
 - Thực hiện các hoạt động kinh doanh khác mà Hội đồng Quản trị quyết định trong từng thời kỳ phù hợp với quy định của pháp luật và được đăng ký kinh doanh với các cơ quan hữu quan.
 - Trồng cây cao su; sản xuất sản phẩm khác từ cao su.

4. Danh sách các công ty con quan trọng được hợp nhất

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Gemadept (Singapore) Ltd.	120 Lower Delta Road, #15-14/15 Cendex Centre, Singapore.	100.00 %	100.00 %
Gemadept (Malaysia) Ltd.	No.49B, Jalan Cungah, 42000 Port Klang, Selangor Darul Ehsan, Malaysia.	100.00 %	100.00 %
Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng	Lầu 22 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé.	100.00 %	100.00 %



CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
hợp V.N.M	quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.		
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	Bến số 1 – Cảng tổng hợp Dung Quất, xã Bình Thuận, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi, Việt Nam.	73.80 %	73.80 %
Công ty TNHH cảng Phước Long	Lầu 19 Tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty TNHH ISS - Gemadept	Số 8, đường Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	51.00 %	51.00 %
Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	1/1A Phạm Hồng Thái, phường 7, TP. Vũng Tàu, Việt Nam.	70.00 %	70.00 %
Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Nhơn Hội	Số 98 Phạm Hùng, TP. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định, Việt Nam	55.00 %	55.00 %
Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen-Gemadept	Số 05-07 đường 3/2, phường 8, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu, Việt Nam.	51.00 %	51.00 %
Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	Lô J1, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	Số 142, đường Nguyễn Thông, phường 3, thị xã Tân An, tỉnh Long An, Việt Nam.	50.00 %	50.00 %
Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	Số 452 Lê Thánh Tông, phường Vạn Mỹ, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	100.00 %	100.00 %
Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ (*)	Khu phố 7, phường Trường Thọ, quận Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	46.00 %	54.00 %
Công ty cổ phần Sư Tử Chúa (**)	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	55.00 %	55.00 %
Công ty cổ phần cảng Nam Hải	Số 201, phường Máy Chai, đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	99.98 %	99.98 %
Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	Số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam	100%	100%
Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	Lầu 21 tòa nhà Gemadept, số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	100%	100%

(*) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ do Công ty được sự ủy quyền của một số cổ đông để đạt tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong các cuộc họp đại hội đồng cổ đông là 54%.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(**) Công ty cổ phần Gemadept nắm quyền kiểm soát Công ty cổ phần Sư Tử Chúa do Công ty đạt tỷ lệ quyền biểu quyết trong các cuộc họp là 55%.

5. **Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>	<i>Tỷ lệ quyền biểu quyết</i>
Công ty TNHH thương mại Quả Cầu Vàng	Số 117 Lê Lợi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	45.00%	45.00%
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Số 6 Lê Thánh Tôn, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	34.00%	34.00%
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Số 973 đường 30/4, phường 11, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	26.78%	26.78%
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Số 72 đường 19/4, phường Xuân An, tỉnh Bình Thuận, Việt Nam.	29.00%	29.00%
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Số 112 đường Ngô Quyền, quận Ngô Quyền, TP. Hải Phòng, Việt Nam.	38.02%	38.02%
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Việt Nam	Lô J2, đường số 8, Khu công nghiệp Sóng Thần 1, huyện Dĩ An, Bình Dương, Việt Nam.	49.00%	49.00%
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	Tầng 12, Tòa nhà Fideco, 81-85 Hàm Nghi, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49.00%	49.00%
Công ty cổ phần du lịch Minh Đạm	Khu phố Hải Tân, thị trấn Phước Hải, huyện Đất Đỏ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Việt Nam.	40.00%	40.00%
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	A2 Trường Sơn, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	23.00%	23.00%
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	2A-4A Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49.00%	49.00%
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Số 418 đường Quang Trung, phường La Khê, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	25.00%	25.00%
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Số 267 đường Quang Trung, phường Quang Trung, quận Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam.	26.56%	26.56%
Công ty TNHH OOCL Việt Nam	Lầu 13 Trung tâm thương mại Sài Gòn, Số 37 Tôn Đức Thắng, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.	49.00%	49.00%

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH. ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty cổ phần Gemadept đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Các công ty trong Tập đoàn sử dụng hình thức nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Gemadept (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Đầu tư vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát là đơn vị mà Tập đoàn cùng kiểm soát các hoạt động của nó với các bên khác theo thỏa thuận.

Tập đoàn ghi nhận lợi ích của mình trong cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó khoản vốn góp trong liên doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của bên góp vốn liên doanh trong tài sản thuần của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh lợi ích của Tập đoàn từ kết quả hoạt động kinh doanh của cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát. Tập đoàn ngừng sử dụng phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ ngày kết thúc quyền đồng kiểm soát hoặc không có ảnh hưởng đáng kể đối với cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được loại trừ tương ứng với phần thuộc về Tập đoàn khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con và công ty liên kết tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

Khi bán công ty con và công ty liên kết, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

7. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

9. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 07
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 15
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 25

11. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính.

12. Tài sản thuê hoạt động

Tập đoàn là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Tập đoàn là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của các công ty trong Tập đoàn hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra hoặc giá trị

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí. trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

14. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ.... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được tính khấu hao theo quy định.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

17. Chi phí trả trước dài hạn

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Lãi thuê tài chính

Tiền lãi thuê tài chính được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê tài chính.

Công cụ. dụng cụ

Các công cụ. dụng cụ đã đưa vào sử dụng (chủ yếu là phụ tùng container. phụ tùng xe nâng. dây cáp thép. vỏ xe....) được phân bổ vào chi phí trong kỳ trong 02 năm theo phương pháp đường thẳng.

Các chi phí khác

Chi phí trả trước khác được phân bổ theo thời hạn ghi trên hóa đơn. hợp đồng hoặc phân bổ từ 02 đến 03 năm.

18. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa. dịch vụ đã sử dụng.

19. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại các công ty trong Tập đoàn. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là 01 - 03% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong năm thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội. kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

20. Trái phiếu có thể chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi là trái phiếu có thể được chuyển thành cổ phiếu phổ thông theo các điều kiện đã được xác định trước.

Trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận là nợ phải trả và vốn chủ sở hữu. Phần nợ phải trả được ước tính sử dụng lãi suất thị trường của các trái phiếu không chuyển đổi tương tự tại ngày phát hành. Nợ phải trả được điều chỉnh theo lãi suất thực tế trong suốt thời hạn của trái phiếu thông qua việc ghi nhận vào chi phí. Phần ghi nhận vào vốn chủ sở hữu là chênh lệch giữa giá trị hợp lý của trái phiếu chuyển đổi và phần nợ phải trả. Các chi phí liên quan đến việc phát hành trái phiếu chuyển đổi được phân bổ theo tỷ lệ cho nợ phải trả và vốn chủ sở hữu.

21. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tập đoàn bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- **Vốn đầu tư của chủ sở hữu:** được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông công ty mẹ.
- **Thặng dư vốn cổ phần:** chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.
- **Vốn khác:** hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, giá trị các tài sản được tặng, biếu, tài trợ và đánh giá lại tài sản.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các công ty trong Tập đoàn.

22. **Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

23. **Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày lập Báo cáo tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

24. **Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của các cơ sở ở nước ngoài được qui đổi sang VND theo tỷ giá tại ngày cuối năm. Các khoản mục trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh được qui đổi sang VND theo tỷ giá bình quân trong năm. Chênh lệch tỷ giá từ việc chuyển đổi Báo cáo tài chính của cơ sở ở nước ngoài được ghi nhận vào nguồn vốn chủ sở hữu (chỉ tiêu Chênh lệch tỷ giá hối đoái). Khi thanh lý khoản đầu tư vào cơ sở ở nước ngoài khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế liên quan đến cơ sở ở nước ngoài đó được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày:

31/12/2010:	18.932 VND/USD
	: 24.887 VND/EUR
	: 14.729 VND/SGD
	: 6.136 VND/RM
31/12/2011:	20.828 VND/USD
	: 27.700 VND/EUR
	: 16.520 VND/SGD
	: 6.772 VND/RM

25. Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được xem là một hình thức bảo hiểm rủi ro hối đoái nhằm mục đích bảo vệ những nghiệp vụ khác. Lãi, lỗ phát sinh từ nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí vào cùng thời điểm khi thực hiện nghiệp vụ được bảo hiểm rủi ro hối đoái.

26. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	17.419.369.382	25.576.340.628
Tiền gửi ngân hàng	366.995.516.180	314.677.253.425
Tiền đang chuyển	431.482.447	62.052.900
Các khoản tương đương tiền (*)	132.275.747.874	206.460.816.365
Cộng	<u>517.122.115.883</u>	<u>546.776.463.318</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	315.624.252.626	333.987.492.096
Đầu tư ngắn hạn vào Gemadept - Terminal Link	482.400.000.000	487.500.000.000
Cho đối tác vay	28.085.083.389	75.000.000.000
Tiền gửi kỳ hạn (*)	43.067.904.466	28.315.706.616
Cộng	<u>869.177.240.481</u>	<u>924.803.198.712</u>

(*) Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	95.232.141.796
Trích lập dự phòng bổ sung	99.453.457.730
Số cuối kỳ	<u>194.685.599.526</u>

4. Phải thu khách hàng.

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	156.454.498.071	150.093.327.439
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	5.349.569.358	859.353.114
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	-	874.088.870
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	5.794.361.325	14.618.872.736
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	21.168.054.841	27.348.733.555
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	1.016.983.441	-
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	55.156.287.552	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
		54.864.927.694
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	21.171.426.011	28.957.571.695
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	1.322.795.141	751.901.096
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	16.383.344.358	17.925.043.637
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	11.745.692.541	312.592.952
Tại Công ty cổ phần Sư tử chúa	1.083.552.161	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	7.795.829.647	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	16.886.755.379	9.268.126.045
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	975.486.090	-
	322.304.635.916	305.874.538.833
Cộng		
5. Trả trước cho người bán		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	76.223.038.530	52.909.632.074
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	2.398.398.736	-
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	18.177.300.492	18.254.313.611
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	28.375.000	144.129.856
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	3.288.200.000	3.288.200.000
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	40.206.417.474	4.076.932.447
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	12.456.357.961	1.458.148.980
Tại Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	3.466.947.576	2.314.947.576
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	9.790.964.925	7.404.762.026
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	1.687.400.848	78.979.965
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	37.864.180.781	76.168.384.160
Tại Công ty cổ phần Sư tử chúa	98.757.955	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	2.696.597	-
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	982.637.936	4.526.132.014
	206.671.674.811	170.624.562.709
Cộng		

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Các khoản chi hộ để thực hiện dịch vụ đại lý	19.336.556.143	24.808.159.411
Phải thu từ các công ty liên kết, hợp tác	88.494.445.565	87.088.579.745
Phải thu cổ tức, lợi nhuận được chia		9.260.618.700
Lãi dự thu tiền gửi, cho vay	26.733.065.975	6.352.364.089
Phải thu về kinh doanh chứng khoán	3.300.000.000	3.500.000.000
Công ty cổ phần Bông Sen Vàng - tiền bán cổ phiếu	-	2.960.000.000
Cho nhân viên tạm ứng	4.617.553.940	4.921.351.535
Công ty cổ phần du lịch Sài Gòn liên hiệp vận chuyển - tiền chi hộ xây dựng dự án Sài Gòn GEM	4.835.000.000	-
Các khoản phải thu khác	7.334.628.016	16.593.623.509
Cộng	<u>154.651.249.639</u>	<u>155.484.696.989</u>

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	1.831.925.717
Trích lập dự phòng bổ sung	843.244.599
Số cuối kỳ	<u>2.675.170.316</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu tồn kho	2.086.751.799	1.447.491.332
Nhiên liệu tồn trên tàu	51.537.475.297	31.494.976.403
Công cụ dụng cụ	13.773.021.111	15.317.083.717
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.273.381.128	14.305.852.714
Hàng hóa	-	64.830.557
Cộng	<u>84.670.629.335</u>	<u>62.630.234.723</u>

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí sửa chữa	12.723.867.944	5.670.771.337
Công cụ, dụng cụ	2.398.453.034	759.808.603
Chi phí bảo hiểm	1.601.124.302	2.115.160.613
Các chi phí khác	7.384.546.179	6.256.842.141
Cộng	<u>24.107.991.459</u>	<u>14.802.582.694</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	6.679.231.671	9.851.020.124
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	-	1.164.504
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	-	398.840.000
Tại công ty TNHH MTV GMD Hải Phòng.	1.000.000	-
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Nhơn Hội	145.228.713	239.927.435
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	20.542.244.524	15.884.126.575
Tại Công ty CP Gemadept hạ tầng	3.027.000	-
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	2.331.872.199	4.301.848
Cộng	<u>29.702.604.107</u>	<u>26.379.380.486</u>

11. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tạm ứng	41.860.863.399	29.036.474.367
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	105.794.004.684	102.200.688.348
Cộng	<u>147.654.868.083</u>	<u>131.237.162.715</u>

12. Phải thu dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Sông Hằng – góp vốn hợp tác thực hiện dự án cảng tổng hợp Lê Chân	19.000.000.000	19.000.000.000
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và phát triển hạ tầng Đông Dương – góp vốn hợp tác thực hiện dự án khu dịch vụ hậu cần Logistics	18.000.000.000	18.000.000.000
Cộng	<u>37.000.000.000</u>	<u>37.000.000.000</u>

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	443.174.153.933	311.126.221.255	1.832.819.556.467	20.341.470.140	39.597.106.650	2.647.058.508.445
Tăng trong năm	9.206.595.858	30.798.052.399	154.875.193.323	1.314.512.886	-	196.194.354.466
Giảm trong năm	-16.958.450.642	-552.186.000	-6.879.157.990	-1.680.960.071	-1.944.257.458	-28.015.012.161
Số cuối năm	435.422.299.149	341.372.087.654	1.980.815.591.800	19.975.022.955	37.652.849.192	2.815.237.850.750
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	64.703.201.108	124.595.819.788	562.185.211.716	13.007.001.990	7.336.928.415	771.828.163.017
Tăng trong năm	17.830.913.925	16.148.866.205	164.041.335.811	4.732.503.461	206.154.263	202.959.773.665
Giảm trong năm	-5.239.735.866	-552.186.000	-5.309.937.307	-1.242.367.747	-2.167.563.827	-14.511.790.747

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối năm	77.294.379.167	140.192.499.993	720.916.610.221	16.497.137.704	5.375.518.851	960.276.145.935
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	378.470.952.825	186.530.401.467	1.270.451.194.602	7.414.758.057	32.363.038.476	1.875.230.345.428
Số cuối năm	358.127.919.982	201.179.587.661	1.259.898.981.579	3.477.885.252	32.277.330.341	1.854.961.704.815

14. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	23.890.768.666	16.623.929.836	7.266.838.830
Tăng trong năm	-	3.964.717.743	
Số cuối năm	23.890.768.666	20.588.647.579	3.302.121.087

15. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	39.643.458.865	11.309.321.533	50.952.780.398
Phát sinh tăng	-	827.978.541	827.978.541
Số cuối kỳ	39.643.458.865	12.137.300.074	51.780.758.939
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	935.875.216	3.145.033.877	4.080.909.093
Khấu hao trong kỳ	701.906.414	1.050.427.414	1.752.333.828
Số cuối kỳ	1.637.781.630	4.195.461.291	5.833.242.921
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	38.707.583.649	8.164.287.656	46.871.871.305
Số cuối kỳ	38.005.677.235	7.941.838.783	45.947.516.018

16. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	phát sinh tăng trong kỳ	phát sinh giảm trong kỳ	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	22.606.198.411	84.686.544.902	79.401.187.855	27.891.555.458
XDCB dở dang	54.343.604.691	409.270.888.694	30.992.900.052	432.621.593.333
Tổng cộng	76.949.803.102	493.957.433.596	110.394.087.907	460.513.148.791

17. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	279.448.439.795	28.354.171.622	251.094.268.173
Tăng trong năm		11.892.116.185	
Số cuối năm	279.448.439.795	40.246.287.807	239.202.151.988

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Bất động sản đầu tư bao gồm một số bất động sản cho bên thứ ba thuê. Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ việc cho thuê	88.893.579.446	111.727.417.634
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	32.532.993.510	34.327.579.765

18. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

Tên công ty	Hoạt động chính	Số cuối năm	
		Tỷ lệ lợi ích	Giá trị
Công ty TNHH thương mại Quả cầu vàng	Kinh doanh nhà ở	45.00%	42.761.600.000
Công ty cổ phần thương cảng Vũng Tàu	Dịch vụ kho vận, ngoại quan	26.78%	9.642.000.000
Công ty MBN-GMD Việt Nam	Dịch vụ cho thuê kho	34.00%	1.534.080.000
Công ty cổ phần nước khoáng Vĩnh Hảo	Sản xuất nước khoáng	29.00%	32.206.940.000
Công ty cổ phần du Lịch Minh Đạm	Kinh doanh dịch vụ du lịch	40.00%	18.264.608.143
Công ty cổ phần vận tải và dịch vụ điện lực	Dịch vụ vận tải	38.02%	23.236.200.000
Công ty TNHH Schenker Gemadept Logistics Vietnam	Dịch vụ kho bãi	49.00%	11.882.010.000
Công ty TNHH Hyundai Merchant Marine Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49.00%	2.371.845.000
Công ty cổ phần dịch vụ hàng hóa Sài Gòn	Kinh doanh xăng dầu, dịch vụ vận tải	23.00%	86.250.000.000
Công ty cổ phần đầu tư và thương mại Falcon Hà Đông	Dịch vụ vận tải	25.00%	29.375.000.000
Công ty TNHH Sinokor Việt Nam	Dịch vụ giao nhận hàng hóa	49.00%	2.319.909.000
Công ty cổ phần liên hiệp thực phẩm	Chế biến thực phẩm	25.56%	49.825.280.000
Công ty OOCL Việt Nam	Dịch vụ vận tải	49.00%	3.848.541.000
Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept- Terminal Link	Dịch vụ khai thác cảng	50.00%	963.802.327.177
Các khoản đầu tư vào công ty liên kết khác			16.751.939.333
Cộng			1.294.072.279.653

19. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư cổ phiếu	203.374.669.600	203.374.669.600
Tiền gửi có kỳ hạn trên 01 năm (*)	140.900.000.000	161.600.000.000
Đầu tư dài hạn khác	133.552.901.494	373.703.175.285
Cộng	477.827.571.094	738.677.844.885

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

Số đầu năm	39.798.635.618
Trích lập dự phòng bổ sung	1.610.781.158
Số cuối kỳ	41.409.416.776

21. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Lãi thuê tài chính	-	90.636.293
Chi phí công cụ, dụng cụ	571.921.374	555.868.574
Chi phí sửa chữa tàu	5.993.140.161	8.832.114.060
Chi phí sửa chữa kho, văn phòng	3.243.986.046	2.673.618.182
Chi phí thành lập	-	42.895.299
Các chi phí khác	2.057.061.600	1.163.502.267
Cộng	11.866.109.181	13.358.634.675

22. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

23. Tài sản dài hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký quỹ tại các nhà cung cấp dịch vụ cho thuê nhà, thuê văn phòng	669.679.509	230.127.770
Ký quỹ tại các hãng hàng không để đảm bảo thanh toán cước vận chuyển đường hàng không	263.051.770	757.280.000
Các khoản ký quỹ dài hạn khác	5.711.326.723	270.567.120
Cộng	6.644.058.002	1.257.974.890

24. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua Công ty cổ phần tiếp vận và cảng Quốc Tế Hoa Sen - Gemadept và Công ty cổ phần cảng Nam Hải được xác định bằng chênh lệch giữa giá mua và giá trị hợp lý của tài sản thuần (giá định giá trị hợp lý của tài sản thuần bằng giá trị ghi sổ kế toán).

Nguyên giá	
Số đầu năm	333.931.512.200
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-
Số cuối kỳ	333.931.512.200
Số đã phân bổ	
Số đầu năm	6.685.163.448
Phân bổ trong kỳ	33.393.151.220

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Số cuối kỳ	40.078.314.668	
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	327.246.348.752	
Số cuối kỳ	293.853.197.532	
25. Vay và nợ ngắn hạn		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	486.701.389.103	320.247.600.198
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	81.644.688.998	90.056.125.445
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	16.000.000.000	5.000.000.000
Tại Công ty cổ phần Trường Thọ	3.000.000.000	-
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	67.705.027.784	52.790.585.811
Tại các công ty con khác	88.325.966.096	-
Cộng	743.377.071.981	468.094.311.454
26. Phải trả cho người bán		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tại Công ty cổ phần Gemadept	109.974.471.994	106.668.776.008
Tại Gemadept (Malaysia) Ltd.	6.057.557.442	7.424.602.952
Tại Công ty cổ phần cảng Quốc tế Gemadept Dung Quất	13.996.210.431	15.118.229.608
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	-	348.972.183
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	38.503.628.809	33.924.665.024
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	317.077.797	47.230.973
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	11.467.671.562	9.352.620.798
Tại Công ty cổ phần đại lý liên hiệp vận chuyển – Vũng Tàu	-	16.079.496
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	30.559.516	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	10.948.614.536	6.083.212.124
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	7.456.353.733	1.721.846.404
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	18.691.681.419	6.143.478.878
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	6.238.786.070	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Logistics Biển Sáng	10.595.296.832	-
Cộng	234.277.910.141	186.849.714.448

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**27. Người mua trả tiền trước**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tại Công ty cổ phần Gemadept	3.536.818.612	4.540.635.640
Tại Công ty TNHH dịch vụ vận tải tổng hợp V.N.M	14.511.730	1.395.050
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	1.769.197.489	797.896.955
Tại Công ty TNHH một thành viên tiếp vận Gemadept	54.397.652	773.954.445
Tại Công ty cổ phần đầu tư xây dựng phát triển hạ tầng Gemadept	1.852.000.000	-
Tại Công ty TNHH ISS - Gemadept	3.129.097.472	-
Tại Công ty cổ phần dịch vụ vận tải Trường Thọ	1.404.711.819	-
Tại Công ty TNHH một thành viên Gemadept Hải Phòng	47.085.963	3.032.738
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	153.471.118	4.937.255.424
Tại Công ty TNHH một thành viên vận tải hàng hải Thái Bình Dương	55.932.925	-
Cộng	<u>12.017.224.780</u>	<u>11.054.170.252</u>

28. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Là các khoản thuế giá trị gia tăng, thu nhập doanh nghiệp, thu nhập cá nhân, và các khoản thuế khác mà tập đoàn còn phải nộp cho Nhà Nước tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2011

29. Phải trả người lao động

Các khoản tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng... còn phải trả cho công nhân viên.

30. Chi phí phải trả

Là các chi phí như chi phí lãi vay, chi phí sửa chữa, ...

31. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Cổ tức phải trả	73.011.073.195	65.246.600
Tài sản thừa chờ xử lý	587.923.927	2.138.859.881
Các khoản phải trả khác	170.825.850.629	261.892.890.175
- Tiền bán hàng cảng biển phải trả ngân sách	1.716.241.909	1.716.241.909
- Công ty cổ phần đầu tư tài chính Công đoàn Dầu khí Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	27.200.000.000	-
- Công ty cổ phần cảng Cái Mép Gemadept - Terminal Link - tiền mượn	120.853.141.332	160.000.000.000
- Ông Nguyễn Quốc Cường - tiền chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty cổ phần tiếp vận và cảng quốc tế Hoa Sen - Gemadept	9.264.678.577	-

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
- Các khoản phải trả khác	11.791.788.811	100.176.648.266		
Cộng	244.424.847.751	264.096.996.656		
32. Quỹ khen thưởng, phúc lợi				
Số đầu năm	12.540.830.151			
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	15.302.460.469			
Chi quỹ	10.080.231.486			
Số cuối kỳ	17.763.059.134			
33. Phải trả dài hạn khác				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Nhận ký quỹ cho thuê Cao ốc Trung tâm thương mại hàng hải Gemadept tại số 6 Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh	17.346.219.093	22.941.117.275		
Nhận đặt cọc thuê tài sản dài hạn khác	-	25.369.175		
Cộng	17.346.219.093	22.966.486.450		
34. Vay và nợ dài hạn				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Tại Công ty cổ phần Gemadept	270.890.053.450	481.784.045.000		
Tại Gemadept (Singapore) Ltd.	144.188.219.962	244.371.077.808		
Tại Công ty cổ phần cảng quốc tế Gemadept Dung Quất	218.475.725.982	234.475.725.982		
Tại Công ty TNHH cảng Phước Long	18.948.500.087	19.601.339.345		
Tại Công ty cổ phần cảng Nam Hải	63.067.507.901	77.226.732.173		
Cộng	715.570.007.382	1.057.458.920.308		
35. Doanh thu chưa thực hiện				
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>		
Lãi hoãn lại do đánh giá lại tài sản cố định góp vốn vào cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát	263.351.996.766	269.167.286.868		
Doanh thu chưa thực hiện	-	862.937.595		
Cộng	263.351.996.766	270.030.224.463		
36. Vốn chủ sở hữu				
	<u>Số đầu năm</u>	<u>Phát sinh tăng</u>	<u>Phát sinh giảm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	1.000.000.000.000	94.473.090.000		1.094.473.090.000
Thặng dư vốn cổ phần	2.169.160.586.400	302.313.888.000		2.471.474.474.400
Vốn khác của chủ sở hữu	71.797.775.902			71.797.775.902
Chênh lệch tỉ giá hối đoái	22.534.947.016		7.959.281.626	14.575.665.390

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Quỹ đầu tư phát triển	4.511.710.559	36.846.469.872	444.446.289	40.913.734.142
Quỹ dự phòng tài chính	23.765.156.863	5.664.248.049		29.429.404.912
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	21.604.112.437	8.821.623.868	9.158.786.194	21.266.950.111
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	659.449.558.394	4.590.753.127	133.460.418.899	530.579.892.622
Cộng	3.972.823.847.571	452.710.072.916	151.022.933.008	4.274.510.987.479

Mục đích trích lập các quỹ

- Quỹ đầu tư phát triển được dùng để mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu.
- Quỹ dự phòng tài chính được dùng để :
 - + Bù đắp những tổn thất, thiệt hại về tài sản, công nợ không đòi được xảy ra trong quá trình kinh doanh;
 - + Bù đắp khoản lỗ của Công ty theo quyết định của Hội đồng quản trị.
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: quỹ dự trữ để bổ sung vốn điều lệ theo quyết định của Hội đồng quản trị.

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Doanh thu dịch vụ vận tải</i>	<i>1.375.205.017.173</i>	<i>1.269.092.774.648</i>
<i>Doanh thu hoạt động đại lý giao nhận</i>	<i>95.622.378.852</i>	<i>87.921.392.108</i>
<i>Doanh thu cho thuê văn phòng</i>	<i>88.893.579.446</i>	<i>111.727.417.634</i>
<i>Doanh thu khai thác cảng logistics khác...</i>	<i>813.881.805.817</i>	<i>678.567.070.868</i>
Cộng	<u>2.373.602.781.288</u>	<u>2.147.308.655.258</u>

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Giá vốn dịch vụ vận tải</i>	<i>1.307.620.688.440</i>	<i>1.149.556.954.413</i>
<i>Giá vốn dịch vụ đại lý giao nhận</i>	<i>49.223.920.654</i>	<i>63.439.460.613</i>
<i>Giá vốn dịch vụ cho thuê văn phòng</i>	<i>32.532.993.510</i>	<i>34.327.579.765</i>
<i>Giá vốn khai thác cảng logistics khác...</i>	<i>593.681.201.976</i>	<i>508.066.862.715</i>
Cộng	<u>1.983.058.804.580</u>	<u>1.755.390.857.506</u>

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Lãi đầu tư chứng khoán</i>	<i>14.073.822.272</i>	<i>19.141.358.548</i>
<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	<i>45.338.008.106</i>	<i>27.241.204.074</i>
<i>Cổ tức lợi nhuận được chia</i>	<i>51.984.694.005</i>	<i>66.310.514.285</i>
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá</i>	<i>119.559.218.097</i>	<i>93.115.225.566</i>
Cộng	<u>230.955.742.480</u>	<u>205.808.302.473</u>

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>158.673.380.997</i>	<i>135.975.850.898</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá</i>	<i>109.416.371.302</i>	<i>53.662.159.993</i>
<i>Lỗ đầu tư chứng khoán</i>	<i>13.789.674.114</i>	<i>14.952.185.140</i>
<i>Dự phòng đầu tư tài chính</i>	<i>103.166.917.561</i>	<i>71.890.364.431</i>
Cộng	<u>385.046.343.974</u>	<u>276.480.560.462</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

Là các chi phí lương nhân viên khấu hao tài sản cố định và dịch vụ mua ngoài khác cho hoạt động bán hàng

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương nhân viên quản lý	85.194.889.044	76.468.993.040
Chi phí vật liệu	1.245.997.826	875.719.407
Chi phí khấu hao tài sản cố định	18.609.365.401	11.490.679.682
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.719.444.077	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	51.482.427.748	43.555.762.916
Chi phí lợi thế thương mại	33.393.151.220	6.685.163.449
Chi phí khác	20.141.008.128	30.146.112.897
Cộng	211.786.283.444	169.222.431.390

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu thanh lý nhượng bán tài sản cố định	34.981.222.401	76.787.047.255
Thu nhập khác	9.389.164.265	29.543.770.487
Cộng	44.370.386.666	106.330.817.742

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý nhượng bán	15.348.502.284	8.766.077.858
Chi phí khác	8.289.355.200	6.332.005.998
Cộng	23.637.857.484	15.098.083.856

CÔNG TY CỔ PHẦN GEMADEPT

Địa chỉ: Số 6 đường Lê Thánh Tôn, phường Bến Nghé, quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	4.590.753.127	206.863.990.648
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông của công ty mẹ sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.590.753.127	206.863.990.648
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ(*)	100.656.063	62.227.879
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	46	3.324

(*) Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ được tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	100.000.000	47.500.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong đợt chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu	656.063	2.289.749
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	100.656.063	49.789.749

TP Hồ Chí Minh ngày 10 tháng 02 năm 2012

**Trương Như Nguyễn**
Người lập biểu**Nguyễn Minh Nguyệt**
Kế toán trưởng**Đỗ Văn Minh**
Tổng Giám đốc